

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E**

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày 01 - 7 - 2024

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Khắc Vũ;
2. Ông: Trần Hữu Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện EaH'leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 326/2023/TLST- DS, ngày 18 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 19/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐST-DS ngày 20/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-DS ngày 14/6/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L - Sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Mai Văn H - sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Thùy Tr (vợ ông H) - Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Ea Đàng, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do;

- Những người làm chứng:

- Chị: Dương Thị A - Địa chỉ: Buôn L, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt;

- Anh: Nguyễn L - Địa chỉ: Buôn L, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt;

- Chị: Lê Thị Hồng H - Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện E, tỉnh Đắk Lắk -

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Vào ngày 27/7/2023, bà L có ký hợp đồng mua bán mắc ca quả xanh với ông Mai Văn H. Nội dung cụ thể của hợp đồng như sau: Ông Mai Văn H có số lượng 250 cây Mắc ca, khối lượng ước tính khoảng 4.000 kg quả xanh, giá thỏa thuận là 32.000 đồng/01 kg. Về quy cách hàng hóa: Mua xô quả xanh trên vườn cây, trừ đi những quả bị sâu, rụng, bi (hạt bi là hạt lọt sàng). Thời gian thu hoạch là từ 10 đến 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Trong trường hợp mưa gió không hái được thì bên chủ vườn phải tạo điều kiện đến khi nắng ráo rồi thu sau. Bà L có đặt cọc trước cho ông H số tiền là 50 triệu đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, nếu hái quả đến đâu trả tiền đến đó. Số tiền cọc 50 triệu đồng sẽ trừ vào đợt sau cùng. Bên nào vi phạm hợp đồng sẽ phải bị phạt cọc gấp đôi.

Sau 08 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, bà L có đến hái quả mắc ca tại vườn nhà ông H. Bà L đã hái được số lượng quả macca là 736 kg (quy ra tiền là 23.552.000 đồng). Số còn lại, do quả nhỏ, không đủ quy cách nên bà L không đưa tiền đợt hái đó cho ông H mà trừ vào tiền cọc luôn. Đồng thời bà L có thỏa thuận lại với ông H hái những trái nhỏ còn lại trên cây, xay ra để bán cho bà L đủ số tiền cọc bà L đã đưa cho ông H, sau khi trừ đi số tiền 736 kg Mắc ca bà L đã hái. Ông H cũng đồng ý nội dung này. Việc thỏa thuận giữa ông H và bà L về việc xay quả mắc ca ra để bán số lượng trên sàng cho bà L chỉ nói miệng với nhau, có một số người chứng kiến chứ không lập thành văn bản.

Sau đó, bà L có gọi điện thoại cho ông H nhiều lần nhưng ông H có nói ông H về quê chăm bố ốm nên bà L không đến vườn ông H để hái quả mắc ca được.

Đến khoảng 20 ngày sau khi ký hợp đồng, bà L liên lạc với ông H thì ông H cho rằng vợ ông H (bà Tr) không đồng ý mua lựa nên vợ ông H đã bán hết số lượng quả mắc ca còn lại trong vườn cho người khác.

Do ông H vi phạm hợp đồng nên bà L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Mai Văn H phải trả cho bà L số tiền phạt cọc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Trừ đi số tiền 736 kg Mắc ca bà L đã hái là 23.552.000 đồng, vợ chồng ông H còn phải thanh toán cho bà L số tiền là: 76.448.000 đồng.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, bà Trần Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu phạt cọc, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Mai Văn H cho bà L số tiền còn lại (sau khi trừ số tiền 736 kg quả mắc ca bà L đã hái) là 26.448.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

** Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Trần Văn Hải trình bày:*

Vào ngày 27/7/2023, ông H có đại diện gia đình để ký hợp đồng mua bán mắc ca quả xanh với bà Trần Thị L. Nội dung hợp đồng như bà L đã trình bày ở trên. Bà L phải có trách nhiệm hái hết quả mắc ca trong thời gian 15 ngày để trả

vườn lại cho gia đình ông H chăm sóc cây trồng.

Sau khi ký hợp đồng khoảng 08 ngày, bà L có đến hái đợt đầu tiên số lượng 736 kg. Bà L chỉ hái lựa quả lớn còn quả nhỏ bỏ lại nên ông H không đồng ý. Mặt khác, bà L chỉ hái khoảng vài chục gốc, chưa hái hết vườn nên không thể đánh giá toàn bộ quả trong vườn không đạt chất lượng.

Sau đó, bà L có trao đổi lại với ông H là do quả mắc ca nhỏ, ông H hái những quả còn lại trong vườn xay ra để bán trên sàng cho bà L nhưng ông H không đồng ý vì ông H cho rằng giữa ông H và bà L đã thỏa thuận mua xô, đồng thời mua quả xanh nên phải hái toàn bộ vườn cây chứ ông H xay ra bán số lượng trên sàng.

Sau khi bà L hái đợt 1 khoảng 3 ngày, do bố ông H ở quê (Quảng Ngãi) bị ốm nặng nên ông H đã về quê chăm bố khoảng 15 ngày. Bà L có điện thoại cho ông H để hỏi ông H số tiền cọc còn lại sau khi trừ đi số tiền của 736 kg mắc ca bà L đã hái nhưng ông H có trả lời là ông H về quê nên chưa giải quyết được.

Sau khi ký hợp đồng khoảng 18 ngày, do quá hạn thỏa thuận, quả mắc ca già rụng nhiều mà bà L không chịu hái nên vợ ông H có hái toàn bộ quả trong vườn để đi bán cho người khác với giá chỉ 19.000 đồng/kg (vì bị rụng nhiều, chất lượng giảm). Khối lượng còn lại trong vườn cây khoảng 2,3 tấn.

Việc vợ ông H bán toàn bộ số quả mắc ca trong vườn cho người khác ông H không có báo với bà L vì bà L đã vi phạm thời hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải bồi thường 2 lần tiền cọc thì ông H không đồng ý. Vì ông H cho rằng bà L đã vi phạm hợp đồng hai bên ký kết chứ gia đình ông H không có vi phạm hợp đồng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Ngô Thị Thùy Tr trình bày:*

Bà Ngô Thị Thùy Tr thống nhất với toàn bộ ý kiến mà chồng bà Tr là ông Mai Văn H đã trình bày ở trên.

** Quá trình giải quyết vụ án, những người làm chứng trình bày:*

- Ý kiến của chị Dương Thị A: Vào ngày 05/8/2023, chị A được ông Mai Văn H - Trú tại tổ dân phố X, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk có thuê chị A hái mắc ca tại vườn ông H thuộc khu vực cầu 2, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Toàn bộ số lượng mắc ca này, ông H bán cho bà Trần Thị L (trú tại thôn 2, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Cụ thể khối lượng bao nhiêu, chị A không rõ.

Sang ngày 06/8/2023, ông H tiếp tục gọi chị A hái mắc ca tại rẫy của ông H nói trên. Toàn bộ số mắc ca hái ngày 06/8/2023, ông H gom lại và để tại rẫy ông H.

Đến ngày 08/8/2023, chị A có thấy ông H mang mắc ca đến nhà anh Nguyễn L, trú tại Buôn L, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để xay. Khối lượng ông H xay bao nhiêu chị A không rõ. Chị A cũng không rõ ông H bán số mắc ca

này cho ai.

- Ý kiến của anh Nguyễn L: Vào ngày 08/8/2023, anh L được ông Mai Văn H - Trú tại tổ dân phố 14 - thị trấn Đ - huyện E - tỉnh Đắk Lắk thuê đên rẫy của ông H tại khu vực cầu 2, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để xay mắc ca. Số lượng mắc ca ông H thuê anh L xay khoảng vài chục tùm trái xanh. Sau khi xay ông H bán cho anh L khối lượng mắc ca loại 1 và loại 2 tổng cộng số tiền là 15 triệu đồng (việc mua bán thực hiện vào ngày 08/8/2023). Số mắc ca bị loại (không đủ tiêu chuẩn để bán) sau khi xạc ra khoảng 3 bao xanh.

Về quy cách quả mắc ca khi chưa xay theo anh L nhận thấy là quả nhỏ so với bình thường, không đạt yêu cầu nên ông H cho xay ra lấy số trên sàng để bán. Sau khi bán số lượng quả mắc ca nói trên cho anh L, trong vườn ông H còn quả mắc ca hay không thì anh L không rõ.

- Ý kiến của chị Lê Thị Hồng H: Vào ngày 05/8/2023, chị H được bà L thuê đi hái mắc ca trong vườn ông H. Ngay từ khi đầu vào hái giữa ông H và bà L đã có tranh cãi với nhau về số lượng mắc ca hái ra có nhiều hạt bị không đạt yêu cầu. Ông H có yêu cầu bà L tiếp tục hái còn quả nào nhỏ bỏ lại cũng được nên bà L cho tiếp tục hái. Hái đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, do số lượng quả bị quá nhiều nên bà L có thỏa thuận lại với ông H là ngưng hái để ông H thuê công hái và bán lại hàng bị cho bà L vì hàng đạt yêu cầu đã hết. Chị H thấy ông H đồng ý sẽ bán lại hàng bị cho bà L trong vòng 1 - 2 ngày tới. Sau đó ông H bán cho ai thì chị H không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H cho rằng có những người làm chứng là bà Lê Thúy V - Trú tại thôn T, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; bà Đặng Thị Ng - Trú tại: Thôn V, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; ông Lê Văn H - Trú tại: tổ dân phố D, thị trấn Đ, huyện E. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ những người này nhưng những người này không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của những người này liên quan đến nội dung vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS 2015; Điều 328, Điều 421, Điều 423, Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, buộc ông Mai Văn H phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 26.448.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận,

Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng đặt cọc”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 16/5/2024, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H trả lại số tiền còn lại không yêu cầu giải quyết về tiền cọc. Do vậy đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy lời khai của các bên có sự mâu thuẫn, Tòa án đã thông báo về việc đối chất để làm rõ những mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự. Tuy nhiên, những người làm chứng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đến tham gia theo thời gian triệu tập nên Tòa án không thể tiến hành đối chất giữa các bên.

Tại đơn khởi kiện, bà Trần Thị L yêu cầu ông Mai Văn H phải trả cho bà Trần Thị L số tiền là 76.448.000 đồng. Ngày 06/11/2023, bà L yêu cầu Tòa án buộc ông Mai Văn H và vợ là Ngô Thị Thùy Tr cùng có trách nhiệm trả số tiền trên. Đến ngày 17/5/2024, bà L thay rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu vợ chồng ông Mai Văn H phải trả số tiền phạt cọc, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả cho bà L số tiền còn lại là 26.448.000 đồng là không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn, người làm chứng chị Dương Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[2]. Về nội dung vụ án:

Về tình tiết mà các bên đã thống nhất được: Vào ngày 27 tháng 7 năm 2023, bà Trần Thị L và ông Mai Văn H có ký hợp đồng mua bán mắc ca trái xanh hái tại vườn. Theo hợp đồng, bà Trần Thị L có giao trước cho ông Mai Văn H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Sau 8 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, bà L có đến hái mắc ca tại vườn nhà ông H. Bà L đã hái được số lượng mắc ca là 736 kg (quy ra tiền là 23.552.00 đồng).

Về tình tiết các bên không thống nhất được:

Bà Trần Thị L cho rằng số mắc ca còn lại trong vườn quả nhỏ không đủ quy cách nên bà L không đưa tiền đợt hái đó cho ông H mà trừ vào tiền cọc luôn. Đồng thời bà L có thỏa thuận với ông H nội dung: Ông H hái những quả nhỏ còn lại trên cây, xay ra để bán cho bà L đủ số tiền 50.000.000 đồng mà ba Lan đã trả trước cho ông H, sau khi trừ số tiền cho 736 kg mắc ca bà L đã hái. Ông H cũng đồng ý nội dung này. Việc thỏa thuận này hai bên chỉ nói miệng với nhau, có một số người chứng kiến chứ không lập thành văn bản.

Ông H cho rằng bà L có trao đổi với ông H về quy cách quả mắc ca không

đạt và yêu cầu ông H sàng ra bán trên sàng cho bà L nhưng ông H không đồng ý vì ông H cho rằng đã thỏa thuận mua xô và mua quả xanh nên phải hái toàn bộ trong vườn chứ ông H không xay ra bán. Mặt khác, khi hái mắc ca bà L chỉ lựa hái toàn trái lớn nên ông H không đồng ý. Lúc đó, bà L cũng không hái hết mắc ca trong vườn nên không thể đánh giá vườn ông H không đạt chất lượng. Sau khi hết thời hạn hợp đồng, bà L không hái hết trái mắc ca trong vườn nên ông H mới hái bán cho người khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng mua bán mắc ca giữa bà Trần Thị L và ông Mai Văn H ký kết vào ngày 27 tháng 7 năm 2023. Đến ngày 05 tháng 8 năm 2023 bà L tiến hành đến vườn nhà ông H hái mắc ca là đúng theo thỏa thuận các bên. Theo bà L, quá trình hái mắc ca do quy cách mắc ca không đúng như thỏa thuận của các bên (quả bi nhiều), bà L có thỏa thuận lại với ông H về phương thức mua bán là xay ra và lấy trên sàng. Tuy nhiên, ông H không thực hiện theo thỏa thuận này mà bán toàn bộ số mắc ca trong vườn cho người khác. Do ông H không thực hiện nội dung xay ra bán trên sàng nên sau đó bà L có đến hái thì ông H cho rằng ông H về quê chăm bố nên bà L không vào hái trái được. Ông H cũng thừa nhận việc bà L có trao đổi với ông H về việc quả mắc ca nhỏ và đề nghị xay ra để bán cho bà L số trên sàng nhưng ông H không đồng ý vì ông H bán xô chứ không xay ra. Sau đó, ông H có về quê chăm bố ở quê nên ông H không thể gặp trực tiếp để làm việc với bà L được.

Theo tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của những người làm chứng đều thể hiện bà L đã đến hái mắc ca đúng thời gian hai bên thỏa thuận trong hợp đồng. Khi vào vườn hái, quả mắc ca không đúng quy cách (nhỏ), bà L có trao đổi lại với ông H về cách thức mua bán là đúng. Tuy nhiên, ông H không thực hiện nội dung trao đổi giữa hai bên. Sau đó, do ông H về quê nên bà L không thể tiếp tục thực hiện việc hái mắc ca. Thời gian ông H về quê là vẫn còn trong thời hạn hợp đồng. Vì theo ông H trình bày khoảng 3 ngày sau khi bà L hái đợt 1 thì ông H về quê, mà bà L bắt đầu hái từ ngày thứ 8 (tức là khoảng ngày thứ 11 kể từ khi ký hợp đồng với nhau), mà hợp đồng hai bên thỏa thuận việc hái quả mắc ca thực hiện trong vòng 15 ngày. Mặt khác, trong thời hạn hợp đồng (tính từ ngày 27 tháng 7 năm 2023 đến ngày 08 tháng 8 năm 2023 là 11 ngày) gia đình ông H đã hái mắc ca trong vườn để bán cho anh Nguyễn L. Như vậy, thể hiện ông H đã vi phạm hợp đồng. Vì ông H đã thỏa thuận bán toàn bộ mắc ca trong vườn cho bà L, bà L được hái trong thời hạn 15 ngày.

Khi ký hợp đồng mua bán mắc ca với ông H, bà L đã trả trước cho ông H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Vào ngày 05/8/2023, bà L đã hái số mắc ca là 736 kg, quy ra tiền là 23.552.000 đồng. Số tiền còn lại là 26.448.000 đồng. Xét thấy ông H đã vi phạm hợp đồng. Vợ của ông H là bà Ngô Thị Thùy Tr cũng biết và đồng ý việc ông H bán quả mắc ca cho bà L. Do vậy,

bà L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Mai Văn H phải trả lại cho bà L số tiền còn lại là 26.448.000 đồng là căn cứ nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thị L được chấp nhận nên ông Mai Văn H và bà Ngô Thị Thùy Tr có trách nhiệm chịu toàn bộ tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật là 1.322.400 đồng, làm tròn số là 1.322.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng). Trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí là 1.838.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện E theo Biên lai số AA/2021/0011711, ngày 13/10/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 431, 432, 433, 435, 436, 437, 440, 445 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L

Buộc ông Mai Văn H và bà Ngô Thị Thùy Tr có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị L số tiền là 26.448.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về yêu cầu giải quyết hợp đồng đặt cọc.

2. Về án phí: Buộc ông Mai Văn H và bà Ngô Thị Thùy Tr phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là 1.322.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng). Trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí là 1.838.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện E theo Biên lai số AA/2021/0011711, ngày 13/10/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc nôm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án dân sự huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy